

Bản án số: 182/2024/HS-ST

Ngày 02/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Nguyễn Thành Ngọc
+ Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Tiến Danh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện VKSND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn B - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 187/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn T (tên gọi khác: Trần Văn B1, Trần Công M), sinh năm 1972. Nơi sinh: không rõ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 3 anh, em; Vợ, con: Chưa có. Tiền án: 02 tiền án.

+ Ngày 15/5/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 77/2009/HSPT, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2009 (bị cáo chưa nộp án phí)

+ Ngày 27/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 110/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/8/2019 (bị cáo chưa nộp án phí)

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 13/12/1993, bị Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi trộm cắp tài sản công dân, bị đưa vào Trung tâm bảo trợ xã hội.

+ Ngày 19/11/1995, bị Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, theo Bản án số 349/ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/1997.

+ Ngày 18/9/1997, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, theo Bản án số 149/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/12/1998.

+ Ngày 30/3/1999, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, theo Bản án số 93/HSST.

+ Ngày 06/02/2004, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 38/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/7/2004.

+ Ngày 25/9/2006, bị Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 124/2006/HSPT.

+ Ngày 28/5/2010, bị Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 36/2010/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/5/2011.

+ Ngày 13/01/2012, bị Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 12/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/11/2012.

+ Ngày 13/01/2014, bị Toà án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 11/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/11/2015.

Bị cáo Trần Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1980. Địa chỉ: 2, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T (Trần Văn B1, Trần Công M) là đối tượng không có nơi cư trú ổn định, sống lang thang tại Thành phố Hồ Chí Minh, không có nghề nghiệp, đã nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản. Ngày 09/4/2024, T xuống thành phố L để tìm kiếm tài sản trộm cắp, bị phát hiện và bắt giữ, cụ thể như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/4/2024, chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1980, cư trú tại: 2, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai điều khiển xe đạp điện hiệu YADEA màu hồng đen của mình từ nhà đến Trường M1 tại khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai để đón cháu đi học về. Chị H dựng xe đạp điện bên hông cổng trường rồi đi bộ vào trong trường đón cháu. Lúc này, Trần Văn T đang đi bộ trên đường, khi đến trước trường M1, thấy chiếc xe đạp điện của chị H đang dựng trên vỉa hè không ai trông coi, T lén lút tiếp cận và chiếm đoạt chiếc xe. Sau khi lấy trộm được chiếc xe, T đẩy chiếc xe về hướng đường Q ra đường H đến Công viên tượng đài chiến

thắng L. Khi ra đến đường Q, T đón xe khách chở chiếc xe đạp điện về Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đem bán lấy tiền tiêu xài nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện. Tại Cơ quan Điều tra, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm chiếc xe đạp điện nói trên và tự nguyện giao nộp lại tài sản lấy trộm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24 ngày 17/4/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L kết luận: Một (01) chiếc xe đạp điện hiệu Yadea, màu hồng-trắng-đen, xe đã qua sử dụng (thời điểm 09/4/2024), có giá trị: 9.000.000 đồng (bút lục số 12).

Trong quá trình điều tra, Trần Văn T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 (một) chiếc xe đạp điện hiệu YADEA màu hồng trắng đen, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Mỹ H sinh năm 1980, cư trú tại: 2, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an thành phố L đã xử lý vật chứng, trả lại bà Lê Thị Mỹ H.

Về dân sự: Người bị hại là chị Lê Thị Mỹ H đã nhận lại chiếc xe đạp điện bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 133/CT-VKSLK ngày 30/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 133/CT-VKSLK ngày 30/7/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo Trần Văn T nói lời sau cùng: Cha mẹ, anh em của bị cáo đều không còn; nhà cửa không có, sau khi ra tù mấy năm liền bị cáo không trộm cắp của ai nhưng năm 2022 mẹ của bị cáo chết, bị cáo không còn nơi nương tựa nên mới phạm tội. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Do tham lam, lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/4/2024, tại cổng Trường M1 thuộc khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, Trần Văn T đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của bà Lê Thị Mỹ H, lén lút trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện hiệu YADEA màu hồng trắng đen, có giá trị 9.000.000 đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Trần Văn T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên hành vi của bị cáo được định khung hình phạt theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt tài sản của người khác, do vậy cần phải xử lý nghiêm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn, hối cải; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, xét thấy bị cáo Trần Văn T đã từng nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và bị xét xử nhưng không tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt là có căn cứ và phù hợp một phần nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/4/2024.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Khánh;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an TPLK;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATPLK;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLK;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Hương